

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v T/C về ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nam và bà Lục Thị Xinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Viên - Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/HNGĐST- QĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị K, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Mai Ngọc Q, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nông Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nông Thị K và anh Mai Ngọc Q trên cơ sở quen biết và được tìm hiểu tình cảm với nhau từ năm 2011, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục truyền thống tại địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép

buộc. Sau khi kết hôn chị K và anh Q chung sống với mẹ anh Q tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được một thời gian, đến tháng 8/2012 chị K đến công tác tại huyện H, tỉnh Hà Giang. Quá trình vợ chồng chung sống tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó do chị K đi công tác xa nhà tại tỉnh Hà Giang vợ chồng chung sống cùng nhau ít, nên tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, không gần gũi quan tâm lẫn nhau dần về sau vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ ngày 04 tháng 01 năm 2020 đến nay. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh Mai Ngọc Q.

Về con chung:

Chị Nông Thị K và anh Mai Ngọc Q có 01 (Một) con chung tên là Mai Ngọc D, sinh ngày 29/01/2013. Hiện nay ở với anh Q tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, năm nay lên lớp 6 học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã X huyện P sức khỏe tốt phát triển bình thường, khi ly hôn chị K có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q. Nếu anh Q có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì chị K đồng ý.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Mai Ngọc Q quá trình tố tụng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh Mai Ngọc Q xác nhận đúng như phần trình bày của chị K. Anh và chị K trên cơ sở quen biết, tìm hiểu đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với mẹ đẻ anh Q tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc vui vẻ, đến tháng 8/2012 chị K làm nghề giáo viên đi công tác xa nhà tại huyện H, tỉnh Hà Giang. Anh Q cho rằng vợ chồng không có gì mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm và cuộc sống vợ chồng gia đình bình thường, những ngày lễ kỳ nghỉ hè chị K đều về thăm gia đình không có gì xích mích trầm trọng đến mức phải ly hôn. Nay chị K đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Q không đồng ý, anh mong được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái và chăm lo hạnh phúc gia đình.

Về con chung:

Anh Mai Ngọc Q và chị Nông Thị K có 01 (Một) con chung tên là Mai Ngọc D, sinh ngày 29/01/2013. Hiện nay hộ khẩu vẫn ở với anh Q tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, năm nay lên lớp 6 học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học

cơ sở xã X huyện P sức khoẻ tốt phát triển bình thường, khi ly hôn anh Q có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nơi ăn chỗ ở của vợ chồng:

Chị K trình bày: Chị K đang công tác tại trường Mầm non xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, không có nhà ở riêng, hiện nay đang thuê nhà anh Cà Văn H ở tại thôn C, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn để ở, loại nhà gỗ 03 gian lợp pờ rô xi măng tường xây một phần bung ván gỗ, nền gạch men. Tiện nghi sinh hoạt bình thường, mỗi tháng chị khởi có tổng thu nhập 15.200.000 đồng.

Anh Q trình bày: Anh Q không có nhà ở riêng, hiện nay anh ở chung nhà với mẹ đẻ là bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1962, trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, loại nhà cột gỗ xây tường bao bằng gạch chỉ 03 gian và 02 trái, bếp riêng, lợp ngói xi măng, nền gạch men, có 03 phòng ngủ, trong gia đình có 04 nhân khẩu gồm bà Đ, anh Q, chị K, cháu D. mọi tiện nghi sinh hoạt bình thường. Về thu nhập anh Q làm ruộng và trồng rừng sản xuất hàng tháng không có thu nhập ổn định.

Phần trình bày nguyện vọng của con chung Mai Ngọc D, sinh ngày 29/01/2023 như sau: họ và tên cháu là Mai Ngọc D con chung của bố Mai Ngọc Q và mẹ Nông Thị K nơi ở thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, năm học vừa qua cháu học lớp 5 tại trường tiểu học xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và năm nay được lên lớp 6. Hiện nay bố cháu ở nhà làm nghề nông, mẹ cháu làm nghề giáo viên Mầm non. Cháu được biết bố, mẹ cháu đang nhờ Toà án giải quyết ly hôn. Nếu bố mẹ cháu ly hôn nhau thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 21/8/2024 Toà án tiến hành xác minh với Trưởng thôn N và bà Triệu Thị Đ mẹ đẻ anh Q về tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh Q.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - hoà giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà chị Nông Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, nuôi con chung.

Quá trình tố tụng anh Mai Ngọc Q không có yêu cầu phản tố.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án trong quá trình tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử, cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Các đương sự đều chấp hành pháp luật tố tụng đầy đủ.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tổ tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị K:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị K được ly hôn anh Mai Ngọc Q.

Về nuôi con chung: Giao 01 (Một) con chung tên là Mai Ngọc D, sinh ngày 29/01/2013 cho chị Nông Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Mai Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Nguyên đơn chị Nông Thị K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị K và anh Mai Ngọc Q có tình cảm, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có tự nguyện đăng ký kết hôn, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị K và anh Q không có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Theo lời trình bày của chị K sau khi kết hôn và quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó do chị K đi công tác xa nhà tại tỉnh Hà Giang vợ chồng chung sống cùng nhau ít, nên tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, không gần gũi quan tâm lẫn nhau dần về sau vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng cụ thể, có nhiều lần chị K có ý định tâm sự với anh Q về tình cảm, con cái, phát triển kinh tế, xây dựng gia đình thì dường như anh Q im lặng. Mặt khác vợ chồng chính thức sống ly thân từ ngày 04 tháng 01 năm 2020 đến nay. Theo lời trình bày của anh Q Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với mẹ đẻ anh Q tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc vui vẻ, đến tháng 8/2012 chị K làm

nghề giáo viên đi công tác xa nhà tại huyện H, tỉnh Hà Giang. Anh Q cho rằng vợ chồng không có gì mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm và cuộc sống vợ chồng gia đình bình thường, những ngày lễ kỳ nghỉ hè chị K đều về thăm gia đình không có gì xích mích trầm trọng đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, anh Mai Ngọc Q lại không có mặt tại phiên toà để trình bày nguyện vọng mặc dù anh Q đã nhận được thông báo mở lại phiên toà theo quy định của pháp luật. Do đó xác định lời trình bày của anh Q có nguyện vọng muốn được đoàn tụ với chị K là không có cơ sở để chấp nhận.

Qua xác minh với trưởng thôn Nà N là ông Triệu Văn T cho biết quá trình chị K và anh Q chung sống không có xảy ra xích mích, chưa lần nào nhờ đến thôn tổ can thiệp giải quyết. Hiện nay chị K và anh Q đưa đơn ly hôn tại Toà án với lý do nguyên nhân gì thôn tổ không nắm được đến thời điểm hiện nay anh Mai Ngọc Q vẫn có đăng ký thường trú tại thôn N và sinh sống cùng với chủ hộ là bà Triệu Thị Đ mẹ đẻ anh Q. Chị K hiện đang là giáo viên công tác tại huyện P chị K vẫn về vào ngày nghỉ lễ sinh hoạt ăn ở tại nhà anh Q, cùng ở với anh Q và con chung. Và xác minh với bà Triệu Thị Đ mẹ anh Q cho biết, anh Q và chị K sau khi kết hôn về chung sống tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, sau chị K đi dạy học tại tỉnh Hà Giang có sinh con thì bà Đ được lên chăm sóc, sau khi con lớn cứng cáp thì cháu D về học tại xã T, còn chị K hiện chuyển về trường Mầm Non xã X, huyện P dạy học. Quá trình chung sống vợ chồng anh Q và chị K không có xích mích, mâu thuẫn gì, chị K những dịp nghỉ lễ, nghỉ hè vẫn thường xuyên về nhà cùng chồng con. Nay chị K đề nghị ly hôn với anh Q thì bà không biết lý do, nguyên nhân tại sao mong các con suy nghĩ và đoàn tụ. Về con chung là Mai Ngọc D hiện đang học lớp 6 vẫn đăng ký thường trú cùng bà Đ tại thôn N, xã T và sinh sống cùng bà và bố. Trường hợp anh Q và chị K ly hôn thì bà vẫn đồng ý cho anh Q, cháu D ở cùng chung nhà cùng sinh hoạt tại nhà bà thuộc thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Mặc dù qua lời trình của anh Q, ông T trưởng thôn, bà Đ mẹ anh Q nêu trên. Nhưng tại phiên toà chị Nông Thị K nhất quyết muốn được ly hôn anh Q với lý do, chị K đi công tác xa nhà tại xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, đã ly thân từ ngày 04/01/2020, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không gần gũi quan tâm lẫn nhau, có nhiều bất đồng quan điểm sống mặc dù không có hành vi bạo lực gia đình nhưng đã xảy ra những mâu thuẫn trầm trọng ảnh hưởng về mặt tinh thần nên chị K không quay về đoàn tụ với anh Q nữa, Chị K xin được ly hôn anh Q theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị K xin được ly hôn anh Q theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Xác định chị K và anh Q có 01 con chung tên là Mai Ngọc D, sinh ngày 29/01/2013 có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và hiện nay đang học lớp 6 tại trường P bán trú Trung học cơ sở xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, sức khỏe tốt ăn ở học tập phát triển bình thường và hiện nay con chung đang ở với mẹ tại thôn C, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, con chung Mai Ngọc D nếu bố mẹ buộc phải ly hôn nhau thì mong muốn được ở với mẹ. Chị K và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi con chung Mai Ngọc D và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con chung khi ly hôn thấy: Chị K hiện nay không có nhà ở riêng và đang thuê nhà ở loại nhà gỗ 03 gian có tiện nghi sinh hoạt bình thường địa điểm thuê nhà ở gần điểm trường con chung đang học và chị K có thu nhập hàng tháng ổn định 15.200.000 đồng tháng, lại là giáo viên Mầm non, con chung là con gái, nên xét thấy việc chị K có nguyện vọng được giao con chung cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của con. Đối với anh Q hiện nay không có nhà ở riêng anh Q đang ở chung nhà với mẹ đẻ loại nhà gỗ 03 gian và 02 trái, tiện nghi sinh hoạt bình thường, thu nhập hàng tháng anh Q không ổn định và hiện nay con chung đang ở với chị K tại thôn C, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn và đang học lớp 6 tại trường P bán trú Trung học cơ sở xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn nên xét thấy việc anh Q có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là không phù hợp.

Do vậy, việc giao con chung tên là Mai Ngọc D, sinh ngày 29/01/2013 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị K, anh Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nông Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị K xin được ly hôn anh Mai Ngọc Q.

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nông Thị K được ly hôn anh Mai Ngọc Q.

Về con chung:

Giao 01 (Một) con chung là Mai Ngọc D, sinh ngày 29/01/2013 cho chị Nông Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Mai Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nông Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nông Thị K đã nộp theo biên lai số 0003319 ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Phương Viên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn

